

Số: 166 /GPMT-UBND

Tiên Lữ, ngày 07 tháng 8 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LŨ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ và đề nghị của Công ty Cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Triều Dương tại Văn bản số 2606/GPMT ngày 26/6/2023 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án "Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng Triều Dương";

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 131/TTr-TNMT ngày 07 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy phép cho Công ty Cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Triều Dương, địa chỉ: Xã Hải Triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án "Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng Triều Dương" với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng Triều Dương

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Hải Triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.

1.3. Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 40/QĐ-UBND cấp lần đầu ngày 19/05/2023.

1.4. Mã số thuế: 0900182786.

1.5. Loại hình sản xuất: Sản xuất gạch không nung; sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn (cống hộp, cống tròn, cọc bê tông cốt thép, block vỉa hè, gạch tự chèn,...); sản xuất bê tông tươi thương phẩm; cho thuê nhà xưởng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư: ✓

- Tổng diện tích 34.821 m².

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Gạch không nung: 20 triệu viên/năm; Cấu kiện bê tông đúc sẵn: 10.000 tấn/năm; Bê tông thương phẩm: 10.000 m³/năm; Nhà xưởng cho thuê: 9.000m².

2. Nội dung cấp giấy phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép phát sinh nước thải và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Triều Dương:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Triều Dương có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả chất thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND huyện Tiên Lữ, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo UBND huyện Tiên Lữ theo quy định của pháp luật.

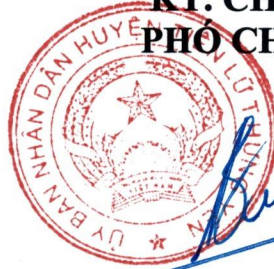
Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 07 tháng 8 năm 2023 đến ngày tháng 8 năm 2033).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Công Thông tin điện tử huyện Tiên Lữ (để đăng tải công khai);
- UBND xã Hải Triều;
- Công ty CPSXVLXD Triều Dương;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Trung Kiên

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 166/GPMT-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2023 của UBND huyện Tiên Lữ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải: 01 nguồn nước thải sinh hoạt.
- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau xử lý được xả ra môi trường tiếp nhận.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh T2, tại xã Hải Triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại xã Hải Triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên
- Tọa độ vị trí xả nước thải: Tọa độ vị trí cửa xả nước thải theo hệ tọa độ

VN 2000 kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiều 3° : VTX: **X(m): 2285302; Y(m): 565446.**

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $5 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả thải: Bơm cưỡng bức; chế độ xả nước thải: Xả liên tục (24h).

2.3.2. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCDP 01:2019/HY, cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	QCDP 01:2019/HY (K=1,2; K _{hy} =0,85)
1	pH	-	5 – 9
2	TSS	mg/L	51
3	TDS	mg/L	600
4	BOD ₅	mg/L	30,6
5	NH ₄ ⁺	mg/L	6
6	S ²⁻	mg/L	1,2

7	PO ₄ ³⁻	mg/L	7,2
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	12
9	NO ₃ ⁻ - N	mg/L	36
10	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	6
11	Coliform	MPN/100mL	3.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Nước thải từ nhà vệ sinh của dự án là nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ qua các bể tự hoại 03 ngăn và nước thải nhà bếp được xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ sẽ được dẫn về Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất thiết kế 5m³/ngày đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Tóm tắt quy trình xử lý nước thải sinh hoạt của công ty:

Nước thải sinh hoạt xử lý sơ bộ → Bể tách rác → Bể tách dầu mỡ → Bể gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Cột lọc → Bể khử trùng → Đạt QCVN 01:2019/HY thải ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 5 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất vật liệu sử dụng: Hóa chất khử trùng Clo (dạng viên nén); dung dịch Javen 10%.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng để phát hiện các lỗi kỹ thuật có thể mắc phải trong suốt quá trình vận hành.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Theo quy định tại điểm b Khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, dự kiến từ ngày 10/10/2022 đến ngày 10/12/2022.

2.2. Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 5 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này)

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

- Giám sát các thông số ô nhiễm bao gồm: pH, TSS, TDS, BOD₅, NH₄⁺, NO₃, PO₄³⁻, sunfua (tính theo H₂S), tổng các chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ động thực vật, tổng coliform, Lưu lượng,

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 01:2019/HY (K = 1,2; K_{hy} = 0,85).

2.3. Tần suất lấy mẫu

Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt.

3.2. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh của dự án đảm bảo đạt QCDP 01/2019-HY trước khi xả ra ngoài môi trường.

3.3. Tách riêng hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thu gom, thoát nước thải.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 466 /GPMT-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2023
của UBND huyện Tiên Lữ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- + Từ hoạt động phương tiện giao thông vận tải ra vào nhà máy.
- + Từ hoạt động của máy móc thiết bị sản xuất.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Tại khu vực xưởng sản xuất.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)	Ghi chú
1	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Lựa chọn các thiết bị tiên tiến, hiện đại, có độ ồn thấp; các thiết bị có cường độ âm lớn được trang bị bộ phận tiêu âm; trang bị cho công nhân thiết bị chống ồn khi làm việc tại các công đoạn có phát sinh tiếng ồn cao. Thường xuyên bảo dưỡng đảm bảo động cơ, máy móc hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Lựa chọn các thiết bị tiên tiến, hiện đại, có độ rung thấp; lắp đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn; thường xuyên kiểm tra bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc.

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 166 /GPMT-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2023
của UBND thị huyện Tiên Lữ)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng chất thải (Kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	20 01 21	5
2	Vỏ hộp mực in thải	08 02 04	5
3	Giẻ lau, găng tay dính thành phần nguy hại	18 02 01	10
4	Dầu mỡ thải	17 02 03	10
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	10
6	Bao bì cứng bằng kim loại thải chứa thành phần nguy hại (vỏ hộp dầu mỡ, vỏ thùng dầu chống dính)	18 01 02	50
	Tổng		90

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Thành phần	Đơn vị	Khối lượng (Tấn/năm)
1	Chất thải sinh hoạt	Tấn	9
2	Bùn thải từ bể nước thải sinh hoạt	Tấn	2,4
3	Vật liệu lọc thải từ bể xử lý nước thải	Tấn	0,015
4	Các sản phẩm bê tông không đạt chất lượng, không tái chế được	Tấn	1,0
5	Bụi đất, cát, đá, bê tông và cặn bê tông trong quá trình vệ sinh silo trộn	Tấn	3,12
6	Panet thải	Tấn	2,5
7	Đai buộc thải	Tấn	2,7
8	Gạch hỏng	Tấn	2,5

9	Khuôn thải	Tấn	1,0
10	Bùn cặn tại bể lắng của bể nước thải rửa thiết bị	Tấn	0,1
	Tổng cộng	Tấn	24,43

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 27 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa cứng, bao túi mềm bằng nilon.

- Khu vực lưu chứa: Diện tích 15 m², kết cấu móng BTCT, toàn bộ tường chắn bao quanh, mái lợp tôn dày 0,45 mm che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải, nền được thiết kế cao ráo, xây thành bao quanh, có rãnh thoát nước nền tránh ngập lụt, tách biệt với chất chất thải công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt; khu vực được trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa cứng composite hoặc bao bì mềm bằng túi nilon.

- Khu vực lưu chứa: Diện tích 15 m², kết cấu móng BTCT, toàn bộ tường chắn bao quanh, mái lợp tôn dày 0,45 mm che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải, nền được thiết kế cao ráo, xây thành bao quanh, có rãnh thoát nước nền tránh ngập lụt, tách biệt với chất chất thải công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt; khu vực được trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa cứng có nắp đậy, túi nilon.

- Khu vực lưu chứa: Diện tích 15 m², kết cấu móng BTCT, toàn bộ tường chắn bao quanh, mái lợp tôn dày 0,45 mm che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải, nền được thiết kế cao ráo, xây thành bao quanh, có rãnh thoát nước nền tránh ngập lụt, tách biệt với chất chất thải công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt; khu vực được trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Hoàn thành hệ thống phòng cháy, chữa cháy theo quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

- Các loại chất thải nguy hại được phân loại, để đúng vào các thùng chứa đã được dán tên, mã chất thải. Kho chứa chất thải có cửa ra vào để kiểm soát; dán biển tên, biển cảnh báo tại khu vực kho chứa rác thải. Định kỳ thuê đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, tránh tình trạng để rác thải đầy kho, tràn ra ngoài;

- Bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị định kỳ, đảm bảo các bể hoạt động ổn định, liên tục.

- Với bể nước thải: trong trường hợp hệ thống bị sự cố, nước thải được lưu giữ tại hệ thống, chờ khắc phục sửa chữa để hoạt động trở lại.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom thoát nước mưa, nước thải, phòng ngừa tắc nghẽn cục bộ, vệ sinh khuôn viên để hạn chế rác thải cuốn theo nước mưa ra bên ngoài.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường này./.
